

Số: /QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28/7/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp và Nghị quyết số 45/NQ-HĐT ngày 20/10/2021 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28/7/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Danh mục thống kê các ngành của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-ĐHĐT ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; trình độ cao đẳng Giáo dục Mầm non;

Căn cứ kết luận tại Biên bản ngày 15/4/2023 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin;

Căn cứ kết luận tại Biên bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thẩm định Đề án mở ngành Công nghệ thông tin, trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin, trình độ đại học, mã số 7480201.

(Có chương trình kèm theo)

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng trong tổ chức đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Đồng Tháp kể từ năm 2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Sư phạm Toán - Tin, Trưởng các đơn vị và viên chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ GDDT (để báo cáo);
- Lãnh đạo Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT (T).

HIỆU TRƯỞNG

Hồ Văn Thống

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐTĐT ngày tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Tên chương trình : Công nghệ thông tin
Mã số : 7480201
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Công nghệ thông tin
Khóa đào tạo : 2023

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tỉm Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			41						
I. NGOẠI NGỮ			5						
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3	45	0				1
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2	30	0		GE4410		2
II. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG			11						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0				1
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2	30	0		GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung	2	14	16		GE4165		3
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4	4	56		GE4165		4
III. GIÁO DỤC THỂ CHẤT			3						
1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1	0	30				1
2	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	1	0	30		GE4306		2
2. Học phần thể chất tự chọn			1						
1	GE4335	Bóng đá	1	0	30		GE4306		3

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tỉm Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
2	GE4336	Bóng chuyền	1	0	30		GE4306		3
3	GE4337	Cầu lông	1	0	30		GE4306		3
4	GE4338	Võ thuật Vovinam	1	0	30		GE4306		3
5	GE4339	Võ thuật Karatedo	1	0	30		GE4306		3
6	GE4340	Cờ vua	1	0	30		GE4306		3
7	GE4341	Bóng bàn	1	0	30		GE4306		3
8	GE4342	Bóng ném	1	0	30		GE4306		3
9	GE4343	Bóng rổ	1	0	30		GE4306		3
10	GE4344	Tennis (Quần vợt)	1	0	30		GE4306		3
11	GE4345	Đá cầu	1	0	30		GE4306		3
IV. ĐẠI CƯƠNG CHUNG			22						
1. Học phần đại cương bắt buộc			14						
1	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45	0				1
2	IN4530	Nhập môn ngành Công nghệ thông tin	1	15	0				1
3	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	0				1
4	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0		GE4091		2
5	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		GE4092		3
6	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		GE4092		3
7	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0		GE4056		4
2. Học phần đại cương tự chọn			8						
1	IN4008	Kế toán đại cương	2	30	0				4
2	IN4168	Chuyên đề Luật CNTT, An ninh mạng, Sở hữu trí tuệ	1	15	0				5
3	IN4163N	Khởi nghiệp	2	15	30				6

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tỉm Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
4	IN4164	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	1	15	0				6
5	IN4020	Tin học căn bản	2	15	30				1
6	IN4528	Văn bản và lưu trữ đại cương	2	15	30				1
B. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			93						
I. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			28						
1	IN4017	Toán rời rạc	3	45	0				1
2	IN4012N	Lập trình căn bản	3	30	30				1
3	IN4219	Xác suất thống kê cho tin học	2	30	0				1
4	IN4009N	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	2	25	10		IN4020		2
5	IN4019N	Lý thuyết đồ thị	2	30	0		IN4017		2
6	IN4307	Đại số tuyến tính	2	30	0				2
7	IN4002	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	3	30	30		IN4012N		2
8	IN4121	Lập trình hướng đối tượng	3	30	30		IN4002		3
9	IN4005N	Hệ điều hành	2	25	10		IN4009N		3
10	IN4126N	Lý thuyết thông tin	2	30	0				3
11	IN4128P	Ngôn ngữ lập trình JAVA	2	15	30		IN4121		4
12	IN4040	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0				5
II. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			44						
1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			25						
1	IN4303	Lắp ráp và cài đặt máy tính	2	20	20				2
2	IN4107	Cơ sở dữ liệu	3	30	30		IN4020, IN4528		2
3	IN4229	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	2	30	0		IN4107		3
4	IN4304	Lập trình Python và ứng dụng	3	30	30		IN4121		4

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
5	IN4305	Kỹ nghệ phần mềm	2	30	0		IN4229		4
6	IN4150N	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	3	30	30		IN4019N		4
7	IN4227	Nhập môn Mạng máy tính	2	25	10		IN4009N		4
8	IN4146	Thiết kế và cài đặt mạng máy tính	3	30	30		IN4227		5
9	IN4119N	Lập trình .NET (C#)	3	30	30		IN4107 IN4121		5
10	IN4527	Niên luận công nghệ thông tin	2	0	60		IN4119N, IN4309N, IN4211		7
2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			19						
1	IN4506	Thiết kế đồ họa	2	15	30				1
2	IN4014	Phương pháp tính	2	30	0				2
3	IN4524	Cơ sở dữ liệu thời gian	2	30	0		IN4107		3
4	IN4102N	Bảo trì hệ thống máy tính	3	30	30		IN4303		3
5	IN4300	Ngoại ngữ chuyên ngành	3	45	0				4
6	IN4101	Bảo mật thông tin	2	30	0		IN4126N IN4307		4
7	IN4130	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	2	30	0		IN4012N		5
8	IN4147	Thiết kế và tích hợp giao diện	2	15	30				5
9	IN4152N	Xử lý ảnh	3	30	30		IN4121		5
10	IN4211	Phát triển phần mềm hướng đối tượng	3	30	30		IN4119N		6
11	IN4523	Cơ sở dữ liệu phân tán	2	30	0		IN4107		6
12	IN4201P	Khai phá dữ liệu	3	30	30		IN4304		6
13	IN4308	IoT và ứng dụng	3	30	30		IN4304		6
14	IN4309N	Lập trình Web ASPX	3	30	30		IN4107 IN4121		6
15	IN4142P	Quản trị hệ thống mạng Windows	3	30	30		IN4146		6
16	IN4151	Xây dựng ứng dụng phân tán	2	20	20		IN4119N IN4523		7

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tỉm Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
17	IN4209	Truyền thông đa phương tiện	3	45	0				7
18	IN4228N	BlockChain và ứng dụng	3	30	30		IN4119N		7
19	IN4514N	Lập trình Web MVC	3	30	30		IN4309N		7
20	IN4171N	Thị giác máy tính	3	30	30		IN4152N		7
21	IN4203	Lập trình cho thiết bị di động	3	30	30		IN4128P, IN4119N		7
22	IN4502N	Lập Trình Web PHP	3	30	30		IN4107 IN4121		7
23	IN4175N	Máy học ứng dụng	3	30	30		IN4304, IN4201P		7
24	IN4504	An ninh mạng	3	30	30		IN4142P		7
25	IN4167	Lập trình mạng	2	20	20		IN4119N		7
III. THỰC HÀNH THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP			15						
1	IN4421	Thực tế ngành CNTT	1	0	30				6
2	IN4491	Thực tập cơ sở	6	0	180	IN4102N			7
3	IN4408	Thực tập tốt nghiệp	8	0	240	IN4491			8
IV. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP / HỌC PHẦN THAY THẾ KHÓA LUẬN			6						
1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
1	IN4299N	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180				8
2. Học phần thay thế khóa luận			6						
1	IN4206	Thương mại điện tử	3	30	30		IN4227		8
2	IN4205	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	30	30		IN4502N		8
3	IN4525	Định tuyến mạng	3	30	30		IN4146		8
4	IN4526	Điện toán đám mây	3	30	30		IN4227		8
Tổng số TCTL			134	2498	2432				

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Tháp
- Đơn vị đào tạo: Khoa Sư phạm Toán – Tin

2. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành:
 - Tiếng Việt: Công nghệ thông tin
 - Tiếng Anh: Information Technology
- Mã số ngành đào tạo: 7480201
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4.0 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Công nghệ thông tin

3. Mục tiêu đào tạo

Ngành Công nghệ thông tin đào tạo cử nhân Công nghệ thông tin, đáp ứng nguồn nhân lực trình độ cao cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Học viên sau tốt nghiệp có khả năng tham gia làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, hoặc các công ty phần mềm. Ngoài ra, học viên có đầy đủ sức khỏe, đạo đức và trách nhiệm với xã hội, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn phù hợp, tác phong làm việc sáng tạo, hợp tác và trách nhiệm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm, năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc. Cuối cùng, học viên có khả năng tự học, tự bồi dưỡng, thích ứng nhanh với những thay đổi nhằm đáp ứng yêu cầu theo vị trí việc làm, có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc học cao hơn.

4. Thông tin tuyển sinh

4.1. Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GDĐT;

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển khi được cấp có thẩm

quyền cho phép đi học; Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

4.2. Phạm vi tuyển sinh: *Cả nước*

4.3. Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia
- Xét tuyển theo kết quả học bạ lớp 12 THPT
- Xét tuyển kết hợp thi tuyển
- Xét tuyển thẳng các ngành sư phạm

5. Điều kiện nhập học

Người học nộp các giấy tờ, hồ sơ theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đảm bảo chất lượng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận người học là sinh viên chính thức của trường.

6. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy sửa đổi ban hành theo Quyết định 1465/QĐ-ĐHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

7. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả: ngày 18 tháng 5 năm 2023

8. Nơi phát hành: *Trường Đại học Đồng Tháp*

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHUẨN ĐẦU RA	Trình độ năng lực
1. Kiến thức	
1.1. Hoàn tất chuẩn Ngoại ngữ theo quy định	3/6
1.2. Hoàn tất chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng an ninh theo qui định	3/6
1.3. Áp dụng được chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống	3/6
1.4. Vận dụng được kiến thức về khoa học tự nhiên, cơ sở ngành cho các môn chuyên ngành	3/6
1.5. Thiết kế, xây dựng, triển khai và bảo trì được các dự án phần mềm	4/6
1.6. Thiết kế, triển khai, quản trị và bảo trì được hệ thống mạng máy tính	4/6
1.7. Thiết kế, triển khai và vận hành hiệu quả hệ thống phân tán	4/6
1.8. Áp dụng được một số công nghệ mới vào quá trình phát triển phần mềm	3/6
1.9. Áp dụng được kiến thức về khởi nghiệp và tìm kiếm việc làm vào thực tế	3/5
2. Kỹ năng	
2.1. Vận hành hiệu quả và an toàn các hệ thống phần mềm, hạ tầng mạng trong các môi trường khác nhau	4/5
2.2. Triển khai chuẩn xác hệ thống thông tin trên nền tảng mã nguồn mở và xử lý lỗi phát sinh một cách hiệu quả	3/5
2.3. Triển khai hiệu quả các dự án CNTT theo yêu cầu thực tế	4/5
2.4. Áp dụng chuẩn xác một số kỹ năng mềm vào cuộc sống sau tốt nghiệp	3/5
3. Phẩm chất đạo đức, mức tự chủ và trách nhiệm	
3.1. Thể hiện sự trung thực và trách nhiệm với công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định	4/5
3.2. Tôn trọng luật sở hữu trí tuệ, luật an ninh mạng, biết được ranh giới của việc tìm hiểu với các hành vi phạm pháp luật, chấp hành tốt nội quy của đơn vị công tác	5/5
3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động	4/5